

Số: /TB-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Kiến An tại Bản Công bố số 542/BCB-BVKA ngày 29/4/2026 và đối chiếu với các quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: BỆNH VIỆN KIẾN AN.

2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: số 03/2014/HP-GPHĐ; Cấp ngày 29/7/2025; Nơi cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng.

3. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Kiến An đã được Sở Y tế phê duyệt tại Quyết định số 148/QĐ-SYT ngày 03/02/2016; số 118/QĐ-SYT ngày 23/01/2017; số 1455/QĐ-SYT ngày 09/12/2019; số 507/QĐ-SYT ngày 19/05/2023; số 1663/QĐ-SYT ngày 27/12/2023; số 2103/QĐ-SYT ngày 27/12/2024; số 2393/QĐ-SYT ngày 18/9/2025.

4. Địa chỉ: Số 35 đường Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

5. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS Nguyễn Bá Phước.

6. Điện thoại: 0225.3668.115. Email: vanthubvka@gmail.com.

7. Chức danh được hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt;
- Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;
- Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh;
- Chức danh Y sĩ với phạm vi hành nghề đa khoa;
- Chức danh Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;

- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản Phụ khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai Mũi Họng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện quang (Chẩn đoán hình ảnh);
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hóa sinh;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê Hồi sức.

8. Danh sách người hướng dẫn thực hành và số lượng thực hành theo hồ sơ cơ sở công bố.

9. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở được tổ chức hướng dẫn thực hành khám chữa bệnh với các chức danh được công bố. Trong quá trình thực hiện đề nghị đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, các quy định có liên quan và Công văn số 4096/SYT-TCHC ngày 09/8/2025 của Sở Y tế.

Trường hợp cơ sở không thực hiện đúng quy định đảm bảo hướng dẫn thực hành, Sở Y tế tiến hành thu hồi Bản công bố và không công nhận kết quả thực hành.

b) Nếu có sự thay đổi nội dung so với hồ sơ công bố thì cơ sở gửi hồ sơ về Sở Y tế để tiến hành công bố lại;

c) Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thủ tục, nội dung và các điều kiện để hướng dẫn thực hành đảm bảo theo quy định;

d) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

Thông báo này thay thế cho Thông báo số 05/TB-SYT ngày 08/01/2025 của Sở Y tế, đối với các đối tượng đang thực hành theo Thông báo số 05/TB-SYT ngày 08/01/2025 vẫn thực hiện cho đến khi kết thúc thời gian thực hành./.

Nơi nhận:

- GD và PGĐ SYT;
- BV Kiến An;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Công TTĐT SYT (đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC (L.D.H-05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Quốc Trinh

Số: 542/BCB-BVKA

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn
thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP**

Kính gửi: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: BỆNH VIỆN KIẾN AN

Số giấy phép hoạt động: 03/2014/HP-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng cấp lại lần 2 ngày 29/7/2025

Địa chỉ: Số 35 đường Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS Nguyễn Bá Phước

Điện thoại liên hệ: 0225.3668.115

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề y khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt;
- Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;
- Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh;
- Chức danh Y sĩ với phạm vi hành nghề đa khoa;
- Chức danh Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu;

- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản Phụ khoa;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai Mũi Họng;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện quang (Chẩn đoán hình ảnh);
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hóa sinh;
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê Hồi sức.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Theo Phụ lục 1)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác:

Ký Hợp đồng với Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Phòng với nội dung: Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Tâm thần.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:
(Theo phụ lục 2)

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: (Theo phụ lục 2)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

(Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố)./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế TP Hải Phòng;
- Phòng TCCB-HC Sở Y tế HP;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, TCCB - CĐT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Phước

Phụ lục 1:
**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TRONG CÙNG MỘT THỜI ĐIỂM**

(Kèm theo Bản công bố số: 542/BCB-BVKA ngày 29/4/2026 của Bệnh viện Kiến An)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức danh/Chức vụ/Vị trí việc làm	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp CCHN/GPHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1.	Nguyễn Tiến Dũng	18/08/1982	BSCCKII Hồi sức cấp cứu	Trưởng khoa Hồi sức tích cực và Chống độc	003578/HP-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Hồi sức cấp cứu	BS CK Hồi sức cấp cứu, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT; Hộ sinh; KTY Hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
2.	Nguyễn Kông Hải	20/08/1986	BSCCKI Hồi sức cấp cứu	Phó trưởng khoa Hồi sức tích cực và Chống độc	003568/HP-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Hồi sức cấp cứu	BS CK Hồi sức cấp cứu, BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS



								RHM; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT; Hộ sinh; KTY Hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
3.	Đoàn Thị An	06/04/1993	Bác sĩ	Nhân viên khoa Hồi sức tích cực và Chống độc	011024/HP-CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS Y khoa, BS YHDP; BS RHM, BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT;
4.	Phạm Thị Thơ	10/10/1996	Bác sĩ	Nhân viên khoa Hồi sức tích cực và Chống độc	012755/HP-CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
5.	Bùi Phương Huệ	15/05/1995	Bác sĩ	Nhân viên khoa Hồi sức tích cực và Chống độc	002534/HP-CCHN	19/08/2021	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
6.	Đào Phú Hà	08/10/1984	BSCKI Hồi sức cấp cứu	Trưởng khoa Cấp cứu	005964/HP-CCHN	08/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	

								YHCT; Hộ sinh; KTY Hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
7.	Ngô Thụy Hà	29/05/1994	BCKI Hồi sức cấp cứu	Nhân viên khoa Cấp cứu	011578/HP-CCHN	31/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
8.	Khổng Thị Tĩnh	25/02/1994	Bác sĩ	Nhân viên khoa Cấp cứu	011570/HP-CCHN	31/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
9.	Nguyễn Thị Thảo	27/01/1996	Bác sĩ	Nhân viên khoa Cấp cứu	012758/HP-CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
10.	Ngô Văn Doanh	26/03/1996	Bác sĩ	Nhân viên khoa Cấp cứu	012757/HP-CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
11.	Nguyễn Thị Lý	05/11/1981	Chuyên khoa II Nội hô hấp	Bác sĩ khoa Cấp cứu/ Trưởng phòng phòng KHTH	005256/HP-CCHN	16/04/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
12.	Phạm Thị Hiền	20/11/1985	BCKII Nội khoa	Trưởng khoa Khám bệnh	005973/HP-CCHN	08/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS YHDP; BS

13.	Mạc Duy Khang	25/07/1968	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành nội khoa)	Phó trưởng khoa Khám bệnh	005157/HP-CCHN	12/04/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
14.	Đỗ Thị Chang	20/04/1989	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	007092/HP-CCHN	05/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
15.	Bùi Văn Bách	30/07/1992	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	011022/HP-CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
16.	Phan Thị Mai	22/07/1991	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	001372/HP-CCHN	28/04/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
17.	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/06/1981	Chuyên khoa I Tai Mũi Họng/BS đa khoa	Nhân viên	003080/HP-CCHN; QĐ số 842/QĐ-SYT	08/12/2013; 04/08/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Tai Mũi Họng, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
18.	Lê Thị Thanh Thủy	20/03/1990	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	008393/HP-CCHN	22/12/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT;
19.	Lương Quang Hưng	07/08/1973	Chuyên khoa II Nội hô hấp	Trưởng khoa Lọc máu	003566/HP-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS

20.	Nguyễn Thị Hằng	20/07/1986	Thạc sĩ Y khoa chuyên ngành Nội khoa	Phó trưởng khoa Lọc máu	006862/HP-CCHN	05/02/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	YHDP; BS YHCT; BS RHM; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
21.	Nguyễn Thị Giang	05/05/1986	Chuyên khoa I Nội khoa	Phó trưởng khoa Lọc máu	003564/HP-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
22.	Phạm Thị Hoa	25/08/1991	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	001469/HP-CCHN	28/04/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
23.	Vũ Thị Hương	10/07/1990	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	009684/HP-CCHN	22/02/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
24.	Hoàng Văn Minh	16/07/1975	Chuyên khoa I Nội khoa	Trưởng khoa Nội Tổng hợp	003575/HP-CCHN	01/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
25.	Nguyễn Thị Vân Anh	10/04/1993	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	011074/HP-CCHN	01/07/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
26.	Ngô Thị Lan Anh	01/04/1984	Chuyên khoa I Nội khoa	Nhân viên	005966/HP-CCHN	06/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
27.	Đỗ Thị Ngọc Ánh	14/12/1996	Bác sĩ	Nhân viên	012754/HP-CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT

28.	Nguyễn Đức Sơn	18/04/1968	Chuyên khoa II Nội khoa	Phó Giám đốc - Trưởng khoa Nội Tim mạch	003576/HP- CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
29.	Đỗ Thị Hoa	04/12/1993	Chuyên khoa I Nội khoa	Phó trưởng khoa Nội Tim mạch	011653/HP- CCHN	19/06/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
30.	Lưu Văn Hùng	11/09/1996	Bác sĩ	Nhân viên	012751/HP- CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT
31.	Phạm Thị Thanh Mai	22/05/1988	Chuyên khoa I Nội khoa	Trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	006808/HP- CCHN	15/01/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS CK Nội khoa, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, Hộ sinh
32.	Lê Trọng Vĩnh	19/01/1981	Chuyên khoa I Nội khoa	Phó trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	006807/HP- CCHN	15/01/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
33.	Trịnh Thị Hòa	06/12/1993	Bác sĩ	Nhân viên	011023/HP- CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, Hộ sinh
34.	Nguyễn Thị Vân Anh	10/11/1993	Bác sĩ CKI Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Nhân viên	007034/HP- CCHN	05/11/2021	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	

35.	Vũ Tuấn Anh	13/12/1980	Chuyên khoa II Ngoại khoa	Phó Giám đốc - Trưởng khoa Ngoại Thần kinh Lồng ngực	003548/HP- CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS CK Ngoại khoa; BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
36.	Đoàn Xuân Tùng	06/04/1999	Chuyên khoa I Ngoại khoa	Phó trưởng khoa Ngoại Thần kinh Lồng ngực	003547/HP- CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
37.	Trần Đức Mạnh	11/01/1993	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành Ngoại khoa)	Nhân viên	011573/HP- CCHN	31/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
38.	Nguyễn Thế Lực	23/07/1994	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành Ngoại khoa)	Nhân viên	011572/HP- CCHN	31/05/2021	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
39.	Tạ Duy Dương	27/09/1986	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành Ngoại khoa)	Nhân viên	003550/HP- CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
40.	Lục Văn Đoàn	20/04/1994	Bác sĩ	Nhân viên	012760/HP- CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	

PH
TÊN
AN
9

								BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
41.	Vũ Duy Trường	29/03/1966	Chuyên khoa II Ngoại khoa	Trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	003554/HP-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS CK Ngoại khoa; BS Y khoa, BS YHDP;
42.	Vũ Văn Luận	27/06/1981	Chuyên khoa II Ngoại khoa	Phó trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	003545/HP-CCHN	06/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
43.	Lê Mạnh Tiên	15/12/1988	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành Ngoại khoa)	Phó trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	007453/HP-CCHN	10/15/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
44.	Nguyễn Tiến Bằng	30/12/1993	Bác sĩ	Nhân viên	011026/HP-CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
45.	Lê Phú Lộc	24/03/1994	Bác sĩ	Nhân viên	011576/HP-CCHN	31/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
46.	Trịnh Quang Đại	19/12/1996	Bác sĩ	Nhân viên	012759/HP-CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	

47.	Hoàng Anh Tú	02/04/1991	Chuyên khoa II Ngoại Tiêu hóa	Trưởng khoa Ngoại Tiêu hóa	001501/HP- CCHN	28/04/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS CK Ngoại khoa; BS Y khoa, BS YHDP;
48.	Nguyễn Hải Bình	20/10/1987	Chuyên khoa I Ngoại khoa	Phó trưởng khoa Ngoại Tiêu hóa	007120/HP- CCHN	07/07/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
49.	Phạm Hải Linh	24/02/1990	Chuyên khoa I Ngoại khoa	Nhân viên	009172/HP- CCHN	15/08/2016	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS CK Ngoại khoa; BS Y khoa, BS YHDP;
50.	Trần Văn Phong	30/08/1993	Chuyên khoa I Ngoại khoa	Nhân viên	011025/HP- CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
51.	Nguyễn Bá Phước	05/09/1972	Tiến sĩ y khoa	Giám đốc Bệnh viện	003553/HP- CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS CK Ngoại khoa; BS Y khoa, BS YHDP;
52.	Lê Tuấn Anh	22/08/1971	Chuyên khoa II Ngoại khoa	Phó trưởng khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	001044/HP- CCHN	11/05/2012	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
53.	Lương Văn Quân	28/07/1985	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành)	Phó trưởng khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	003570/HP- CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	

			Ngoại khoa)					
54.	Nguyễn Đình Dũng	12/08/1986	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành Ngoại khoa)	Nhân viên	009019/HP- CCHN	22/06/2016	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
55.	Nguyễn Bá Kiên	29/01/1988	Thạc sĩ Y khoa (chuyên ngành Ngoại khoa)	Nhân viên	007454/HP- CCHN	15/10/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
56.	Trần Tuấn Hạnh	29/08/1983	Chuyên khoa II Ngoại khoa	Trưởng khoa Ung bướu	003549/HP- CCHN. QĐ số 609/QĐ- SYT ngày 25/5/2021 V/v bổ sung phạm vi HĐCM KBCB	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại/Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ	BS CK Ngoại khoa; BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT, KTY Phục hồi chức năng
57.	Vũ Xuân Minh	20/05/1965	Chuyên khoa I Ngoại khoa	Nhân viên	003569/HP- CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại	
58.	Lê Thị Giang	24/04/1982	Chuyên khoa II Sản Phụ khoa	Trưởng khoa Khoa Phụ khoa	005264/HP- CCHN	16/04/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	BS CK Sản phụ khoa, BS Y khoa, BS YHDP;

59.	Vũ Thị Tuất	30/10/1983	Tiến sĩ Sản, phụ khoa	Nhân viên	001276/HP-CCHN	12/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	Y sĩ đa khoa, Hộ sinh
60.	Nguyễn Thị Vân	26/01/1996	Bác sĩ	Nhân viên	012763/HP-CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa, Hộ sinh
61.	Hoàng Việt Chinh	01/07/1991	Chuyên khoa I Sản Phụ khoa	Bác sĩ khoa Phụ khoa/Phó trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp	001327/HP-CCHN	28/04/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	BS CK Sản phụ khoa, BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa, Hộ sinh
62.	Vũ Thị Thùy Hương	27/03/1993	Chuyên khoa I Sản Phụ khoa	Nhân viên	011029/HP-CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	
63.	Phạm Văn Thành	13/03/1980	Chuyên khoa II Sản Phụ khoa	Trưởng khoa Sản	003555/HP-CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	BS CK Sản phụ khoa, BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa, Hộ sinh
64.	Khổng Hữu Quang	01/12/1989	Chuyên khoa I Sản Phụ khoa	Phó Trưởng khoa Sản	009173/HP-CCHN	15/08/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	
65.	Nguyễn Thị Hà	04/11/1988	Chuyên khoa II Sản Phụ khoa	Nhân viên	006602/HP-CCHN	11/26/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	

66.	Trần Thị Kim Anh	06/01/1993	Chuyên khoa I Sản Phụ khoa	Nhân viên	011028/HP- CCHN	14/06/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	
67.	Lương Trọng Pháp	01/08/1981	Chuyên khoa I Sản Phụ khoa	Phó Trưởng khoa Sản	002871/HP- CCHN	11/30/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	
68.	Nguyễn Quý Trọng	11/05/1993	Bác sĩ	Nhân viên	012761/HP- CCHN	08/08/2022	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa	BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa, Hộ sinh
69.	Phạm Thị Minh Huệ	09/05/1975	Chuyên khoa I Nhi khoa	Trưởng khoa Nhi	003573/HP- CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa, Điều dưỡng, Hộ sinh
70.	Lê Thị Huệ	03/12/1980	Chuyên khoa I Nhi khoa	Phó trưởng khoa Nhi	003572/HP- CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	
71.	Phạm Thị Bưởi	06/03/1991	Chuyên khoa I Nhi khoa, Chứng chỉ chuyên khoa Da liệu	Nhân viên	001334/HP- CCHN; QĐ số 358/QĐ-SYT	28/4/2017; 19/03/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Da liễu	BS CK Da liễu, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT, Y sĩ đa khoa, Điều dưỡng, Hộ sinh
72.	Nguyễn Thị Thanh Hoài	24/10/1986	Chuyên khoa II chuyên	Phụ trách khoa Mắt - Tai mũi họng -	005257/HP- CCHN	16/04/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	BS CK Mắt, BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa

			ngành Nhân khoa	Răng hàm mặt				
73.	Bùi Thị Phương Lan	02/02/1976	Chuyên khoa I chuyên ngành Nhân khoa	Nhân viên	006527/HP-CCHN	11/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	
74.	Nguyễn Thị Ngọc Thu	31/12/1968	Chuyên khoa I Tai Mũi Họng	Phụ trách chuyên khoa Tai mũi họng	000368/HP-CCHN	11/07/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	BS CK TMH, BS Y khoa, BS YHDP; Y sĩ đa khoa
75.	Bùi Thị Huế	20/12/1980	Chuyên khoa I Tai Mũi Họng	Phó trưởng khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	003559/HP-CCHN	01/06/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	
76.	Lê Quang Nhung	25/2/1993	Chuyên khoa I Răng Hàm Mặt	Phụ trách chuyên khoa Răng hàm mặt	011001/HP-CCHN	24/05/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	
77.	Nguyễn Thị Hoàng Anh	20/12/1993	Chuyên khoa I Răng Hàm Mặt	Nhân viên	011574/HP-CCHN	31/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	
78.	Nguyễn Thị Chín	15/05/1975	Chuyên khoa I Răng Hàm Mặt	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ - Chỉ đạo tuyến	005955/HP-CCHN	05/12/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	
79.	Phạm Quỳnh An	07/01/1995	Bác sĩ RHM	Nhân viên	008676/HP-CCHN	19/08/2021	Khám bệnh, chữa bệnh	BS Y khoa, BS RHM, BS

							chuyên khoa Răng Hàm Mặt	YHDP; Y sĩ đa khoa
80.	Nguyễn Mạnh Việt	25/6/1984	Chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền, Chứng chỉ chuyên khoa cơ bản Phục hồi chức năng	Trưởng khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	005958/HP- CCHN; QĐ số 993/QĐ-SYT	08/06/2014; 30/08/2017	Khám chữa bệnh Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng	BS CK PHCN, BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT; KTV PHCN
81.	Phạm Thị Hương Trà	01/01/1995	Bác sĩ YHCT	Nhân viên	002497/HP- CCHN	19/08/2021	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	BS Y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT; KTV PHCN
82.	Đỗ Thị Thu Hằng	31/10/1994	Bác sĩ YHCT	Nhân viên	002501/HP- CCHN	19/08/2021	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	
83.	Lê Duy Chiến	15/12/1966	Chuyên khoa I Chẩn đoán hình ảnh	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	001091/HP- CCHN	21/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	BS CK CĐHA; BS Y khoa, BS YHDP, Y sĩ đa khoa
84.	Nguyễn Hồng Thanh	26/04/1978	Chuyên khoa I Chẩn đoán hình ảnh	Phó trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	001413/HP- CCHN	01/10/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	

85.	Lương Thị Trang	16/02/1991	Chuyên khoa I Chẩn đoán hình ảnh	Nhân viên	010192/HP- CCHN	08/12/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
86.	Nguyễn Duy Hưng	15/03/1990	Chuyên khoa I Chẩn đoán hình ảnh	Nhân viên	012006/HP- CCHN	11/19/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
87.	Đào Thị Linh Chi	22/07/1976	Chuyên khoa I chuyên ngành xét nghiệm	Trưởng Trung tâm Xét nghiệm	005260/HP- CCHN	16/04/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	BS CK Hóa sinh, BS Y khoa, BS YHDP, Y sĩ đa khoa
88.	Lê Văn Phong	12/07/1975	Chuyên khoa I chuyên ngành giải phẫu bệnh	Phó trưởng Trung tâm Xét nghiệm	005263/HP- CCHN	16/04/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	BS Y khoa, BS YHDP, Y sĩ đa khoa
89.	Nguyễn Văn Tuấn	15/07/1963	Chuyên khoa I chuyên ngành Huyết học truyền máu	Nhân viên	001500/HP- CCHN	30/01/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	BS Y khoa, BS YHDP, Y sĩ đa khoa
90.	Trần Văn Sơn	05/01/1971	BS CKII Gây mê Hồi sức	Trưởng khoa Gây mê Hồi sức	003558/HP- CCHN	01/6/2014	Gây mê Hồi sức	BS CK Gây mê Hồi sức



91.	Nguyễn Văn Hào	16/12/1981	BS CKI Gây mê Hồi sức	Phó trưởng khoa Gây mê Hồi sức	006806/HP- CCHN	15/01/2015	Gây mê Hồi sức	
92.	Đỗ Thị Thanh Nhàn	28/11/1975	Thạc sĩ Y học	Phó trưởng khoa Gây mê Hồi sức	003557/HP- CCHN	01/6/2014	Gây mê Hồi sức	
93.	Vũ Văn Huy	22/08/1985	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Hồi sức tích cực và Chống độc	25/02/2014	004275/HP- CCHN	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
94.	Vũ Thị Thúy Ngọc	27/01/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	25/02/2014	004270/HP- CCHN	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
95.	Nguyễn Thị Thu Thảo	17/01/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004272/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
96.	Trịnh Thị Phương	29/11/1986	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004369/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
97.	Ngô Minh Tuấn	22/08/1986	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	008890/HP- CCHN	05/05/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-	

							BYTBNV ngày 07/10/2015	
98.	Lê Quang Diệm	27/09/1991	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	006987/HP- CCHN	15/04/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
99.	Ngô Văn Đỗ	23/11/1993	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009201/HP- CCHN	15/08/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
100.	Nguyễn Thị Diệp	21/08/1994	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009391/HP- CCHN	28/11/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
101.	Ngô Bích Ngọc	06/10/1994	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	001681/HP- CCHN	28/04/2017	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
102.	Phạm Thị Mai	14/06/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004323/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
103.	Nguyễn Thị Ánh	26/01/1991	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	008944/HP- CCHN	05/12/2016	Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng
104.	Đinh Thị Nguyệt	10/06/1982	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004365/HP- CCHN	26/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng	

1H
 1H V
 Ế N
 *

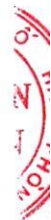
105.	Đỗ Văn Thiêm	09/12/1993	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	007949/HP- CCHN	15/10/2015	Điều dưỡng cao đẳng	
106.	Tổng Văn Chính	23/11/1991	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009489/HP- CCHN	15/12/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
107.	Vũ Minh Huy	11/04/1994	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009813/HP- CCHN	22/06/2017	Điều dưỡng cao đẳng	
108.	Nguyễn Đức Cảnh	05/11/1994	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010696/HP- CCHN	12/10/2018	Điều dưỡng cao đẳng	
109.	Lê Tuấn Anh	17/06/1995	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010733/HP- CCHN	05/11/2018	Điều dưỡng cao đẳng	
110.	Bùi Thị Thúy Hằng	26/07/1996	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010697/HP- CCHN	12/10/2018	Điều dưỡng cao đẳng	
111.	Phan Thị Phương Anh	26/12/1993	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004193/HP- CCHN	19/08/2021	Điều dưỡng cao đẳng	
112.	Đặng Công Thọ	04/04/1993	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009049/HP- CCHN	22/06/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
113.	Vũ Tuấn Cường	01/04/1996	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010675/HP- CCHN	01/10/2018	Điều dưỡng cao đẳng	
114.	Đào Trường Trung	16/04/1980	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Cấp cứu	004374/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
115.	Bùi Thị Kiều Oanh	28/08/1986	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004364/HP- CCHN	28/11/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	

116.	Vũ Thị Bích Ngọc	04/11/1987	Điều dưỡng CKI	Nhân viên	006628/HP- CCHN	06/08/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
117.	Bùi Thị Thảo	04/11/1991	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005987/HP- CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng
118.	Hoàng Thị Tiệp	23/02/1983	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004316/HP- CCHN	06/08/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
119.	Nguyễn Bảo Ngọc	30/07/1993	Điều dưỡng đại học	Nhân viên	009974/HP- CCHN	09/09/2017	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
120.	Vũ Thị Thêu	15/09/1988	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005972/HP- CCHN	09/09/2017	Điều dưỡng cao đẳng
121.	Lê Thị Phương Hà	16/07/1982	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004368/HP- CCHN	26/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng
122.	Trần Văn Trường	10/07/1992	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009383/HP- CCHN	28/11/2016	Điều dưỡng cao đẳng
123.	Nguyễn Thị Nghĩa	01/10/1984	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005988/HP- CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng
124.	Phạm Thị Thu Hà	10/03/1985	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005212/HP- CCHN	16/4/2014	Điều dưỡng cao đẳng
125.	Đỗ Thị Thoa	22/08/1993	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009377/HP- CCHN	28/11/2016	Điều dưỡng cao đẳng

PH
/T
A

126.	Hồ Thị Minh Tâm	01/07/1993	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009900/HP-CCHN	08/04/2017	Điều dưỡng cao đẳng	
127.	Đỗ Thị Thanh Mai	26/05/1970	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004306/HP-CCHN	25/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
128.	Đỗ Thị Chinh	01/10/1995	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010698/HP-CCHN	12/10/2018	Điều dưỡng cao đẳng	
129.	Tăng Thị Thu	25/08/1996	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	011184/HP-CCHN	30/09/2019	Điều dưỡng cao đẳng	
130.	Phạm Minh Hải	18/08/1996	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	012096/HP-CCHN	29/12/2020	Điều dưỡng cao đẳng	
131.	Trần Thị Minh Phương	16/04/1998	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	012003/HP-CCHN	19/11/2020	Điều dưỡng cao đẳng	
132.	Phùng Thị Quỳnh	30/12/1986	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh	004301/HP-CCHN	15/10/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
133.	Vũ Thị Kim Liên	13/03/1982	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004313/HP-CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
134.	Phạm Thị Thái Hà	20/4/1981	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005190/HP-CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
135.	Ngô Văn Lợi	02/12/1978	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng	004373/HP-CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-	Điều dưỡng

				khoa	Lọc			BYTBNV ngày	
					máu			07/10/2015	
136.	Nguyễn Thị Hương	17/03/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005193/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		
137.	Trịnh Đức Dương	18/10/1990	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004312/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		
138.	Đỗ Việt Cường	18/05/1983	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004380/HP- CCHN	08/04/2017	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		
139.	Đỗ Thị Hoài Hương	14/05/1977	Điều dưỡng Đại học	Điều dưỡng trưởng khoa Nội Tổng hợp	006557/HP- CCHN	15/11/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		Điều dưỡng
140.	Đào Thị Nguyệt	26/05/1973	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005984/HP- CCHN	06/08/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		
141.	Hoàng Thị Hương	06/05/1989	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005989/HP- CCHN	06/08/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		



142.	Trần Văn Duy	02/10/1984	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005220/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
143.	Vũ Thị Ngân	18/08/1988	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005965/HP- CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
144.	Hoàng Thị Kim Loan	20/04/1990	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	008403/HP- CCHN	22/12/2015	Điều dưỡng cao đẳng	
145.	Nguyễn Thị Tâm	28/11/1992	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	008937/HP- CCHN	05/12/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
146.	Nguyễn Thị Ngọc Hà	07/10/1994	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009054/HP- CCHN	22/6/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
147.	Trần Thị Hồng	22/05/1991	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009153/HP- CCHN	21/7/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
148.	Đoàn Thị Ngọc Huyền	08/12/1992	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Nội Tim mạch	008401/HP- CCHN	22/12/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
149.	Trịnh Thị Liên Giang	19/05/1990	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004377/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
150.	Nguyễn Mạnh Hùng	12/05/1990	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005223/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	

151.	Nguyễn Thị Khánh An	04/07/1981	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	008397/HP-CCHN	22/12/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
152.	Nguyễn Thị Làn	20/08/1974	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004309/HP-CCHN	25/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
153.	Bùi Thị Nhung	02/02/1989	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004378/HP-CCHN	26/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
154.	Vũ Thị Đào	02/07/1989	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005215/HP-CCHN	16/04/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
155.	Vũ Thị Hương	13/07/1986	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004278/HP-CCHN	25/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
156.	Ngô Thị Kim Anh	04/06/1976	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009101/HP-CCHN	07/04/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
157.	Nguyễn Văn Huy	08/11/1976	Điều dưỡng Đại học	Điều dưỡng trưởng khoa bệnh nhiệt đới	005270/HP-CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
158.	Ninh Thị Hà Vân	20/05/1988	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004305/HP-CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
159.	Nguyễn Thị Dịu	15/09/1990	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009976/HP-CCHN	09/09/2017	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	

160.	Nguyễn Thị Thủy	15/03/1971	Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại Thần kinh - Lồng ngực	005180/HP- CCHN	04/12/2014	Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng
161.	Vũ Hải Yến	09/11/1991	Điều dưỡng CKI	Nhân viên	005261/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
162.	Trần Thị Tuyền	15/03/1992	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	007130/HP- CCHN	07/07/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
163.	Nguyễn Thị Thu	11/02/1989	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	007061/HP- CCHN	25/05/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
164.	Phạm Thị Thúy Phương	01/11/1991	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005204/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
165.	Bùi Thị Hiền	19/12/1990	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005242/HP- CCHN	16/04/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
166.	Nguyễn Thị Mai Hào	19/10/1996	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010700/HP- CCHN	12/10/2018	Điều dưỡng cao đẳng	
167.	Nguyễn Thị Hằng	11/09/1982	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng	004289/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số	

				Khoa Chấn thương Chỉnh hình			26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
168.	Phạm Văn Huân	12/09/1988	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005243/HP-CCHN	26/2/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
169.	Mạc Thị Dung	06/11/1988	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005199/HP-CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
170.	Nguyễn Thị Nguyệt	20/05/1988	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004326/HP-CCHN	26/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng
171.	Phạm Thị Nhã	16/11/1990	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005210/HP-CCHN	16/04/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
172.	Ngô Thị Hồng Nhung	02/10/1991	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009059/HP-CCHN	22/06/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
173.	Đào Thị Vân Trang	14/12/1991	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005258/HP-CCHN	16/04/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
174.	Hoàng Thị Thu Huyền	30/06/1993	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009380/HP-CCHN	28/11/2016	Điều dưỡng cao đẳng	
175.	Vũ Thị Tuyền	10/06/1994	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009891/HP-CCHN	08/04/2017	Điều dưỡng cao đẳng	
176.	Nguyễn Thị Thu Trang	11/09/1995	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010144/HP-CCHN	08/11/2017	Điều dưỡng cao đẳng	
177.	Phan Thị Định	13/01/1992	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	010674/HP-CCHN	01/10/2018	Điều dưỡng cao đẳng	



178.	Trần Thị Hoa	31/08/1970	Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại Tiêu hóa	005170/HP- CCHN	12/04/2014	Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng	
179.	Phạm T.Minh Phuong	25/01/1993	Điều dưỡng CKI	Nhân viên	009197/HP- CCHN	15/08/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015		
180.	Phạm Thị Xoa	11/12/1987	Điều dưỡng đại học	Nhân viên	007458/HP- CCHN	15/10/2015	Điều dưỡng cao đẳng		
181.	Vũ Thị Cảnh	19/10/1986	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004284/HP- CCHN	25/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng		
182.	Nguyễn Thị Liễu	16/06/1983	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005168/HP- CCHN	04/12/2014	Điều dưỡng cao đẳng		
183.	Vũ Thị Hải Yến	19/01/1989	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005962/HP- CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng		
184.	Nguyễn Thị Thu Hà	12/03/1992	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005959/HP- CCHN	18/06/2014	Điều dưỡng cao đẳng		
185.	Nguyễn Thị Thái	08/06/1988	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	004282/HP- CCHN	25/02/2014	Điều dưỡng cao đẳng		
186.	Đặng Thị Mến	30/05/1986	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005161/HP- CCHN	04/12/2014	Điều dưỡng cao đẳng		
187.	Tiêu Thị Thu Dung	06/09/1985	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	009154/HP- CCHN	21/07/2016	Điều dưỡng cao đẳng		
188.	Nguyễn Thị Hồng Ngoan	18/07/1998	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại	012468/HP- CCHN	18/02/2022	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-		Điều dưỡng

				Thận - Tiết niệu			BYTBNV ngày 07/10/2015	
189.	Trần Thị Tuyết Mai	09/10/1978	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004279/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
190.	Nguyễn Thị Hà	03/07/1985	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005265/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
191.	Nguyễn Văn Trung	09/09/1993	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009058/HP- CCHN	22/06/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
192.	Phùng Thị Đoàn Trang	19/05/1984	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005192/HP- CCHN	04/12/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
193.	Nguyễn Hà Trang	15/09/1994	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	001507/HP- CCHN	28/04/2017	Điều dưỡng cao đẳng	
194.	Nguyễn Thu Hương	20/07/1994	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Ung bướu	010820/HP- CCHN	25/01/2019	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
195.	Hoàng Thị Loan	02/10/1983	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005167/HP- CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-	



							BYTBNV ngày 07/10/2015	
196.	Ngô Thị Bình	04/02/1990	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005196/HP- CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
197.	Vũ Ngọc Hoàn	19/10/1992	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009200/HP- CCHN	15/08/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
198.	Lê Thị Minh Hồng	02/11/1976	Hộ sinh Đại học	Hộ sinh trưởng khoa Phụ khoa	004342/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Hộ sinh
199.	Trần Thị Thủy	22/09/1977	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	004356/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
200.	Nguyễn Thị Lê	21/08/1974	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	004337/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
201.	Phạm Thị Thủy Hoa	19/06/1980	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	005182/HP- CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	

202.	Vũ Thị Thùy Linh	11/06/1989	Hộ sinh Đại học	Hộ sinh trưởng khoa Sản	005207/HP-CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	Hộ sinh
203.	Nguyễn Thị Hoài	29/11/1984	Hộ sinh Đại học	Nhân viên	004349/HP-CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
204.	Vũ Thị Uyên	20/07/1975	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	004338/HP-CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
205.	Nguyễn Thị Thanh Lan	03/06/1973	Hộ sinh Đại học	Nhân viên	005208/HP-CCHN	06/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
206.	Ngô Thị Thơm	08/08/1985	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	005227/HP-CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
207.	Nguyễn Kim Anh	01/04/1986	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	006986/HP-CCHN	15/04/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	

208.	Nguyễn Thị Quyên	20/10/1994	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	009053/HP-CCHN	22/06/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
209.	Bùi Thị Thanh Thanh	16/06/1994	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	009186/HP-CCHN	15/08/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
210.	Bùi Thị Thu Hằng	12/10/1992	Hộ sinh cao đẳng	Nhân viên	009195/HP-CCHN	15/08/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
211.	Nguyễn Thanh Mai	10/08/1977	Điều dưỡng Đại học	Điều dưỡng trưởng khoa Nhi	005177/HP-CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
212.	Đỗ Thị Sen	29/01/1986	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005992/HP-CCHN	06/08/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYTBNV ngày 07/10/2015	
213.	Phạm Thu Hà	10/10/1984	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005994/HP-CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
214.	Đào Thị Phương	25/02/1990	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005996/HP-CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng	
215.	Phạm Thị Bích Vượng	12/09/1986	Điều dưỡng cao đẳng	Nhân viên	005993/HP-CCHN	06/08/2014	Điều dưỡng cao đẳng	

216.	Nguyễn Thị Hải Yên	26/12/1988	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa Mắt – TMH - RHM	004003/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
217.	Phạm Bích Thủy	08/06/1972	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004303/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
218.	Đoàn Thị Hương	25/12/1988	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005241/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
219.	Phạm Thị Thủy	10/12/1993	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009384/HP- CCHN	28/11/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
220.	Phạm Thị Tâm	18/08/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005241/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
221.	Nguyễn Thị Mai	13/10/1988	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng khoa YHCT - PHCN	004361/HP- CCHN; 887/QĐ-SYT	26/02/2014; 28/06/2018	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng

222.	Đỗ Thị Như Trang	13/01/1991	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004360/HP- CCHN; 884/QĐ-SYT	26/02/2014; 28/06/2018	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng/KTV PHCN
223.	Cao Văn Đạt	19/01/1994	Cử nhân PHCN	Nhân viên	010453/HP- CCHN	30/05/2018	Thực hiện Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật Y Phục hồi chức năng
224.	Nguyễn Thị Thùy Vân	16/09/1986	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005221/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
225.	Bùi Thị Xuân	20/09/1994	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009817/HP- CCHN	22/06/2017	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
226.	Vũ Thị Lan Hương	28/10/1983	Y sĩ Y học cổ truyền	Nhân viên	005187/HP- CCHN	04/12/2014; 20/11/2021	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Y sĩ YHCT
227.	Phạm Thị Huyền	26/05/1979	Y sĩ Y học cổ truyền	Nhân viên	005995/HP- CCHN	08/06/2014	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Y sĩ YHCT
228.	Mạc Như Tú	04/11/1983	Cử nhân Kỹ thuật	Kỹ thuật viên trưởng khoa Chẩn	005231/HP- CCHN;	09/10/2020	Kỹ thuật viên chụp xquang/	Kỹ thuật Y Hình ảnh y học

			Hình ảnh Y học	đoán hình ảnh	011933/HP-CCHN		Kỹ thuật viên hình ảnh y học	
229.	Lâm Đức Trọng	01/01/1992	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh Y học	Nhân viên	009064/HP-CCHN	22/06/2016	Kỹ thuật Y Hình ảnh y học	
230.	Phạm Tiến Thanh	28/08/1973	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh Y học	Nhân viên	005274/HP-CCHN	16/04/2014	Kỹ thuật Y Hình ảnh y học	
231.	Bùi Văn Chiến	06/02/1983	Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh Y học	Nhân viên	005904/HP-CCHN	20/11/2021	Kỹ thuật Y Hình ảnh y học	
232.	Đào Thị Hồng Nga	27/11/1998	Cử nhân Xét nghiệm Y học	KTV trưởng trung tâm xét nghiệm	012766/HP-CCHN	08/08/2022	Kỹ thuật Y Xét nghiệm Y học	Kỹ thuật Y Xét nghiệm Y học
233.	Nguyễn Huy Cương	12/05/1995	Cử nhân Kỹ thuật y Xét nghiệm y học	Nhân viên	011030/HP-CCHN	14/06/2019	Kỹ thuật Y Xét nghiệm Y học	
234.	Vũ Ngọc Toàn	03/04/1965	Cử nhân Xét nghiệm Y học	Nhân viên	009023/HP-CCHN	22/06/2016	Kỹ thuật Y Xét nghiệm Y học	
235.	Phạm Thị Thúy	29/10/1997	Cử nhân Xét nghiệm Y học	Nhân viên	012813/HP-CCHN	12/08/2022	Kỹ thuật Y Xét nghiệm Y học	
236.	Bùi Thị Phượng	14/08/1992	Cử nhân Xét nghiệm Y học	Nhân viên	005960/HP-CCHN	12/08/2022	Kỹ thuật Y Xét nghiệm Y học	



237.	Lê Thị Thu Hương	02/08/1975	Điều dưỡng Đại học	Điều dưỡng trưởng khoa Gây mê Hồi sức	004294/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng
238.	Vũ Thị Thoan	21/01/1974	ĐD ĐH/KTV GMHS	Nhân viên	004290/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
239.	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/11/1990	Điều dưỡng CKI	Nhân viên	007464/HP- CCHN	15/10/2015	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
240.	Lê Thị Dịu	13/10/1994	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009816/HP- CCHN	22/06/2017	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
241.	Phạm Thị Mai Chi	20/02/1982	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004370/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
242.	Lương Thị Giang Lê	05/05/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005251/HP- CCHN	16/4/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	

243.	Đặng Thị Vui	07/10/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004296/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
244.	Trịnh Thị Hương	20/03/1990	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	009047/HP- CCHN	22/06/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
245.	Phạm Thị Vân Anh	13/06/1991	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	008626/HP- CCHN	06/01/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
246.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20/04/1973	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004293/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
247.	Đặng Thị Thúy	14/05/1985	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005266/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
248.	Trịnh Thị My	05/05/1987	Thạc sĩ Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng Bệnh viện	005273/HP- CCHN	16/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	Điều dưỡng

249.	Trần Thế Tiến	20/12/1988	Điều dưỡng Đại học/ Thạc sĩ YTCC	Nhân viên	009164/HP- CCHN	21/07/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
250.	Phạm Ánh Tuyết	22/12/1986	Điều dưỡng CKI	Nhân viên	004331/HP- CCHN	26/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
251.	Nguyễn Thị Tú	28/03/1987	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005150/HP- CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
252.	Đào Hải Chính	12/07/1970	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005158/HP- CCHN	04/12/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
253.	Lý Thị Dung	10/12/1984	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	007457/HP- CCHN	25/02/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015
254.	Lương Thị Thuận	09/05/1972	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	005152/HP- CCHN	12/04/2014	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015

255.	Lương Thị Thảo	22/09/1985	Điều dưỡng Đại học	Nhân viên	004280/HP- CCHN	22/06/2016	Theo QĐ tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYTBNV ngày 07/10/2015	
------	----------------	------------	-----------------------	-----------	--------------------	------------	--	--



SỞ Y TẾ TP HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN KIẾN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 2:

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 542/BCB-BVKA ngày 29/4/2026 của Bệnh viện Kiến An)

STT	Đối tượng thực hành	Thời gian thực hành (tháng)	Số lượng tiếp nhận (người)	Chi phí hướng dẫn thực hành (VNĐ/tháng)
1	Bác sĩ Y khoa	12	10	1.500.000 đồng/tháng/ người thực hành hoặc thỏa thuận theo Hợp đồng thực hành
2	Bác sĩ Y học dự phòng	12	05	
3	Bác sĩ Y học cổ truyền	12	05	
4	Bác sĩ Răng hàm mặt	12	05	
5	Điều dưỡng	06	10	
6	Hộ sinh	06	10	
7	Y sĩ đa khoa	09	10	
8	Y sĩ Y học cổ truyền	09	10	
9	Kỹ thuật y Xét nghiệm y học	06	10	
10	Kỹ thuật y Hình ảnh y học	06	10	
11	Kỹ thuật y Phục hồi chức năng	06	05	
12	Bác sĩ CK Hồi sức cấp cứu	12	05	



13	Bác sĩ CK Nội khoa	12	05
14	Bác sĩ CK Ngoại khoa	12	05
15	Bác sĩ CK Sản Phụ khoa	12	05
16	Bác sĩ CK Da liễu	12	02
17	Bác sĩ CK Phục hồi chức năng	12	02
18	Bác sĩ CK Mắt	12	05
19	Bác sĩ CK Tai Mũi Họng	12	05
20	Bác sĩ CK Điện quang (Chẩn đoán hình ảnh)	12	05
21	Bác sĩ CK Hóa sinh	12	05
22	Bác sĩ CK Gây mê Hồi sức	12	05

Phụ lục 3:

BẢNG THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 542/BCB-BVKA ngày 29/4/2026 của Bệnh viện Kiến An)

STT	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Hội sức cấp cứu	Nội khoa	Ngoại khoa	Sân Phụ khoa	Nhi khoa	YHCT - PHCN		Mắt -Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt			Tâm thần	Da liễu	Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Xét nghiệm	Gây mê Hồi sức
								YHCT	PHCN	Mắt	Tai Mũi Họng	Răng Hàm Mặt					
1	Bác sĩ Y khoa	12	03	01	01	01	01	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	
2	Bác sĩ Y học dự phòng	12	03	1,5	01	01	01	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5	0,5	0,5		
3	Bác sĩ Y học cổ truyền	12	03	01	0,5			4,5	01	0,5	0,5	0,5		0,5			
4	Bác sĩ Răng hàm mặt	12	03									09					
5	Điều dưỡng	06	01	01	01			0,5	0,5	0,5	0,5	0,5		0,5			
6	Hộ sinh	06	01			05											
7	Y sĩ đa khoa	09	03	01	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			
8	Y sĩ Y học cổ truyền	09	03	01	0,5			3,5	01								



9	Kỹ thuật y Xét nghiệm y học	06	01													05	
10	Kỹ thuật y Hình ảnh y học	06	01											05			
11	Kỹ thuật y Phục hồi chức năng	06	01					05									
12	Bác sĩ CK Hồi sức cấp cứu	12	12														
13	Bác sĩ CK Nội khoa	12	03	09													
14	Bác sĩ CK Ngoại khoa	12	03		09												
15	Bác sĩ CK Sân Phụ khoa	12	03			09											
16	Bác sĩ CK Da liễu	12	03										09				
17	Bác sĩ CK Phục hồi chức năng	12	03					09									
18	Bác sĩ CK Mắt	12	03						09								
19	Bác sĩ CK Tai Mũi Họng	12	03							09							
20	Bác sĩ CK Điện quang	12	03											09			

	(Chân đoán hình ảnh)																
21	Bác sĩ CK Hóa sinh	12	03													09	
22	Bác sĩ CK Gây mê Hồi sức	12	03														09



Số: 389/QĐ-BVKA

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn (sửa đổi, bổ sung) tại Bệnh viện Kiến An

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN KIẾN AN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Kiến An trực thuộc Sở Y tế Hải Phòng;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Công nghệ Bệnh viện..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn (sửa đổi, bổ sung)” tại Bệnh viện Kiến An (có chương trình chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các khoa, phòng, trung tâm và viên chức được phân công giảng dạy thực hành chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung hướng dẫn thực hành ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1523/QĐ-BVKA ngày 30/12/2024 về việc ban hành Khung chương trình đào tạo thực hành cho các học viên có nhu cầu thực hành để cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành tại Bệnh viện Kiến An.

Điều 4. Các khoa, phòng, trung tâm thuộc Bệnh viện Kiến An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế HP (để báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Như Điều 4;
- Lưu VT, TCCB - CĐT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Phước

**CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH
CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 389/QĐ-BVKA ngày 29/4/2026
của Bệnh viện Kiến An)

**I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI
PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y KHOA**

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ y khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục V Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
------------	--	---------------------------	------------------------------------

1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (Nội TH/Nội Tim mạch/Bệnh nhiệt đới)	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (Ngoại Tiêu hóa/Ngoại Tiết niệu/Ngoại Thần kinh Lồng ngực/Chấn thương chỉnh hình/Ung bướu)	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Sản/Phụ khoa	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng	1 tháng
7	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
8	Mắt	Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	0.5 tháng
9	Tai mũi họng		0.5 tháng
10	Răng hàm mặt		0.5 tháng
11	Tâm thần	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Phòng	0.5 tháng
12	Da liễu	Da Liễu (tại Khoa Khám bệnh)	0.5 tháng
13	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0.5 tháng
14	Xét nghiệm	Trung tâm xét nghiệm	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành:			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện, hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ Y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ Y học dự phòng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học dự phòng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Y học dự phòng phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (Nội TH/Nội Tim mạch/Bệnh nhiệt đới)	1.5 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (Ngoại Tiêu hóa/Ngoại Tiết niệu/Ngoại	1 tháng

		Thần kinh Lồng ngực/Chấn thương chỉnh hình/Ung bướu)	
4	Sản khoa	Khoa Sản/Phụ khoa	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng	1 tháng
7	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
8	Mắt	Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	0.5 tháng
9	Tai mũi họng		0.5 tháng
10	Răng hàm mặt		0.5 tháng
11	Da liễu	Da Liễu (tại Khoa Khám bệnh)	0.5 tháng
12	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0.5 tháng
13	Xét nghiệm	Trung tâm xét nghiệm	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành:			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện, hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ Y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ Y học cổ truyền.

- Người có văn bằng cử nhân Y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ Y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (Nội TH/Nội Tim mạch/Bệnh nhiệt đới)	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (Ngoại Tiêu hóa/Ngoại Tiết niệu/Ngoại	0.5 tháng

		Thần kinh Lòng ngực/Chấn thương chỉnh hình/Ung bướu)	
4	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng	4.5 tháng
5	Phục hồi chức năng		1 tháng
6	Mắt	Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	0.5 tháng
7	Tai mũi họng		0.5 tháng
8	Răng hàm mặt		0.5 tháng
9	Da liễu	Da Liễu (tại Khoa Khám bệnh)	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành:			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lòng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật,



sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ Răng hàm mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ Răng hàm mặt.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ Răng hàm mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Răng hàm mặt phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Răng hàm mặt	Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	9 tháng

Tổng thời gian thực hành	12 tháng
---------------------------------	-----------------

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp Điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp Điều dưỡng.

- Người có văn bằng cao đẳng Điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng Điều dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân Điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân Điều dưỡng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

- Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Điều dưỡng: Có kiến thức chuyên sâu về các phương pháp điều dưỡng, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

- Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

- Hành nghề theo Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc điều dưỡng theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

- Thực hành chăm sóc Điều dưỡng: Thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.

- Giao tiếp và hợp tác: Có khả năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tư vấn và giáo dục sức khỏe.

- Phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh: tham gia các hoạt động phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất các biện pháp phòng chống hiệu quả.

- Quản lý ngành và đào tạo: Tham gia vào công tác quản lý ngành, nghiên cứu điều dưỡng, và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực điều dưỡng.

2.3. Thái độ

- Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Trung thực và thận trọng: Hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

- Tôn trọng quyền lợi của người bệnh: luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

- Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

- Mục tiêu nghề nghiệp của Điều dưỡng viên không chỉ đơn giản là hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân mà còn là xây dựng nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để mang lại hiệu quả và an toàn tối đa cho bệnh nhân và cộng đồng.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	1 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (Nội TH/Nội Tim mạch/Bệnh nhiệt đới)	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (Ngoại Tiêu hóa/Ngoại Tiết niệu/Ngoại Thần kinh Lồng ngực/Chấn thương chỉnh hình/Ung bướu)	1 tháng
4	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	0.5 tháng
5	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
6	Mắt	Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	0.5 tháng
7	Tai mũi họng		0.5 tháng
8	Răng hàm mặt		0.5 tháng
9	Da liễu	Da Liễu (tại Khoa Khám bệnh)	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành:			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện, hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HỘ SINH

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp Hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp Hộ sinh.

- Người có văn bằng cao đẳng Hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng Hộ sinh.

- Người có văn bằng cử nhân Hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân Hộ sinh.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

- Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

- Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Hộ sinh: Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

- Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

- Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc Hộ sinh theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.

- Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục.

- Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia.

- Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

2.3. Thái độ

- Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của Nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Trung thực và thận trọng: hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

- Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: Luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

- Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc của Hộ sinh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	1 tháng
2	Sản Phụ khoa	Khoa Sản/Khoa Phụ khoa	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SĨ ĐA KHOA VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐA KHOA

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp Y sĩ, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp y sĩ. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01/01/2027.

- Người có văn bằng cao đẳng Y sĩ đa khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng Y sĩ đa khoa.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sĩ đa khoa với phạm vi hành nghề đa khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với y sỹ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục X Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (Nội TH/Nội Tim mạch/Bệnh nhiệt đới)	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (Ngoại Tiêu hóa/Ngoại Tiết niệu/Ngoại Thần kinh Lồng ngực/Chấn thương chỉnh hình/Ung bướu)	0.5 tháng
4	Sản khoa	Khoa Sản/Phụ khoa	0.5 tháng

5	Nhi khoa	Khoa Nhi	0.5 tháng
6	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	0.5 tháng
7	Phục hồi chức năng		0.5 tháng
8	Mắt	Khoa Mắt - Tai mũi họng - Răng hàm mặt	0.5 tháng
9	Tai mũi họng		0.5 tháng
10	Răng hàm mặt		0.5 tháng
11	Tâm thần	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Phòng	0.5 tháng
12	Da liễu	Da Liễu (tại Khoa Khám bệnh)	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành:			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền hoặc trung cấp Y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp Y sĩ Y học cổ truyền. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01/01/2027.

- Người có văn bằng cao đẳng Y sĩ Y học cổ truyền hoặc cao đẳng Y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng Y sĩ Y học cổ truyền hoặc cao đẳng Y học cổ truyền.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sĩ Y học cổ truyền với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với y sỹ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (Nội TH/Nội Tim mạch/Bệnh nhiệt đới)	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (Ngoại Tiêu hóa/Ngoại Tiết niệu/Ngoại Thần kinh Lồng ngực/Chấn thương chỉnh hình/Ung bướu)	0.5 tháng

4	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	3.5 tháng
5	Phục hồi chức năng		1 tháng
Tổng thời gian thực hành:			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên



- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

IX. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

2.2 Chuyên môn

- Thực hiện các kỹ thuật ở các mức độ khác nhau về lĩnh vực hình ảnh y học: chụp X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ; siêu âm; ghi hình phóng xạ, xạ trị và trợ giúp bác sỹ chuyên ngành thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp đảm bảo chính xác, an toàn phóng xạ phục vụ yêu cầu chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân.



- Nắm vững các thông số kỹ thuật thiết bị và thực hiện thành thạo các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế.

- Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc/Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Hình ảnh y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

X. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ XÉT NGHIỆM Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Người có văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Người có văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, dược sĩ trình độ đại học (bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học) và phải kèm theo chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo tối thiểu 03 tháng do cơ sở đào tạo về kỹ thuật xét nghiệm y học cấp hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

- Nắm được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm, kiến thức cơ bản về hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Nắm được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.

- Nắm được các quy trình vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục II Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc/ Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Xét nghiệm Y học	Trung tâm Xét nghiệm	5 tháng
Tổng thời gian thực hành:			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I

ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

HAI PH

XI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng cho những người có bệnh hoặc tác động của thương tổn. Thông qua các liệu pháp vật lý như nhiệt, thủy, vận động trị liệu,... giúp bệnh nhân khôi phục các chức năng vận động của cơ thể về thể chất và tinh thần, từ đó giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dễ dàng, sử dụng, bảo dưỡng các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

- Phòng ngừa, kiểm soát các cơn đau tối ưu.

- Phục hồi và cải thiện các chức năng vốn có về thể chất, tinh thần trong sinh hoạt hàng ngày.

- Duy trì chức năng hiện có, hướng dẫn các hoạt động cho bệnh nhân. Hỗ trợ bệnh nhân tái hòa nhập cộng đồng.

- Giảm tình trạng biến chứng, tác dụng phụ có thể xảy ra.

2.3. Thái độ

- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục III Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực và Chống độc/Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	5 tháng

Tổng thời gian thực hành	06 tháng
---------------------------------	-----------------

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.



XII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA (THEO PHỤ LỤC)

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc Thạc sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.2. Bác sĩ đã có bằng Thạc sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) tại các cơ sở đào tạo nước ngoài nhưng chưa có giấy phép hành nghề phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.3. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề có bằng CKI hoặc Thạc sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.4. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề có bằng Thạc sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành 12 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

2. Mục tiêu

Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên khoa (*phụ lục đính kèm*) theo quy định tại Phụ lục V và Phụ lục IX Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành



4.1. Đối tượng thực hành tại mục 1.1; 1.2

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	Khoa lâm sàng chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

4.2. Đối tượng thực hành tại mục 1.3 và 1.4

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	Khoa lâm sàng chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	12 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện/trung tâm.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành đánh giá kết quả thực hành khám bệnh, chữa bệnh của học viên phải đạt yêu cầu và có chữ ký xác nhận vào bảng chấm công học viên, bản báo cáo kết quả thực hành của học viên.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.



PHỤ LỤC
DANH SÁCH CHUYÊN KHOA

(Kèm theo Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa)

1. Hồi sức cấp cứu và Chống độc
2. Nội khoa
3. Ngoại khoa
4. Sản Phụ khoa
5. Da liễu
6. Phục hồi chức năng
7. Mắt
8. Tai Mũi Họng
9. Điện quang (Chẩn đoán hình ảnh)
10. Hóa sinh
11. Gây mê Hồi sức